

Số: 24 /2020/QĐ-UBND

Bắc Kạn, ngày 07 tháng 12 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Quy định mật độ chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Chăn nuôi ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi;

Căn Thông tư số 23/2019/TT-BNNPTNT ngày 30/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số điều của Luật Chăn nuôi về hoạt động chăn nuôi;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy định này quy định mật độ chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

2. Đối tượng áp dụng: Quy định này áp dụng cho các cá nhân, tổ chức có liên quan đang tham gia hoạt động chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

Điều 2. Cách tính đơn vị vật nuôi và hệ số đơn vị vật nuôi:

1. Mỗi đơn vị vật nuôi tương đương với 500kg khối lượng vật nuôi sống.

2. Hệ số đơn vị vật nuôi là khối lượng trung bình vật nuôi sống (kg)/500.

Điều 3. Quy định mật độ chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn đến năm 2030 không vượt quá 1,0 đơn vị vật nuôi/ha (ĐVN/ha) tương ứng 459.273 ĐVN, cụ thể như sau:

1. Tổng đơn vị vật nuôi trên địa bàn Thành phố Bắc Kạn không vượt quá 12.150 ĐVN.

2. Tổng đơn vị vật nuôi trên địa bàn huyện Pác Nặm không vượt quá 46.060 ĐVN.

3. Tổng đơn vị vật nuôi trên địa bàn huyện Ba Bể không vượt quá 65.040 ĐVN.

4. Tổng đơn vị vật nuôi trên địa bàn huyện Ngân Sơn không vượt quá 59.450 ĐVN.

5. Tổng đơn vị vật nuôi trên địa bàn huyện Bạch Thông không vượt quá 52.830 ĐVN.

6. Tổng đơn vị vật nuôi trên địa bàn huyện Chợ Đồn không vượt quá 85.220 ĐVN.

7. Tổng đơn vị vật nuôi trên địa bàn huyện Chợ Mới không vượt quá 56.790 ĐVN.

8. Tổng đơn vị vật nuôi trên địa bàn huyện Na Rì không vượt quá 81.730 ĐVN.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Chủ trì, hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra quá trình tổ chức thực hiện quy định này; phối hợp với đơn vị liên quan trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung mật độ chăn nuôi của các vùng chăn nuôi trong tỉnh trong trường hợp cần thiết.

b) Phối hợp với Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố chỉ đạo thực hiện phát triển chăn nuôi theo định hướng: Tăng số lượng đầu con, tăng năng suất, chất lượng sản phẩm chăn nuôi, phát triển chăn nuôi gia trại, trang trại theo hướng chăn nuôi an toàn sinh học, kiểm soát dịch bệnh, kiểm soát ô nhiễm môi trường trong chăn nuôi.

c) Tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện từ các Sở, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố hàng năm theo sự chỉ đạo của cơ quan có thẩm quyền.

2. Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh

Theo chức năng nhiệm vụ được giao, phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT trong triển khai thực hiện Quyết định.

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện:

a) Căn cứ quy định mật độ chăn nuôi trên địa bàn tỉnh, địa phương tổ chức quản lý và thực hiện quy định mật độ chăn nuôi tại Điều 3 của Quy định này.

b) Chỉ đạo các phòng chuyên môn và chính quyền cấp cơ sở tăng cường công tác thông tin tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về chăn nuôi, thú y;

thống kê, kê khai hoạt động chăn nuôi trên địa bàn nhằm điều chỉnh mật độ chăn nuôi phù hợp.

c) Tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện mật độ chăn nuôi hàng năm về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

4. Ủy ban nhân dân cấp xã:

a) Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về chăn nuôi, thú y.

b) Tổ chức thực hiện việc kê khai hoạt động chăn nuôi, gồm: Cơ sở chăn nuôi, hộ chăn nuôi, cơ sở sản xuất thức ăn chăn nuôi trên địa bàn.

c) Tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện về hoạt động chăn nuôi trên địa bàn theo báo cáo định kỳ gửi UBND các huyện, thành phố theo quy định.

5. Tổ chức, cá nhân chăn nuôi

a) Kê khai với Ủy ban nhân dân cấp xã về loại, số lượng vật nuôi theo quy định tại Phụ lục II và phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 23/2019/TT-BNNPTNT ngày 30/11/2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số điều của Luật Chăn nuôi về hoạt động chăn nuôi.

b) Thực hiện các biện pháp chăn nuôi an toàn sinh học, vệ sinh môi trường trong chăn nuôi; xử lý chất thải chăn nuôi theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 7 tháng 12 năm 2020.

Điều 6. Chánh Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tư pháp; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Thủ trưởng các đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

Gửi bản giấy:

- Văn phòng Chính phủ;

Gửi bản điện tử:

- Như Điều 6(t/h);

- Bộ Nông nghiệp và PTNT;

- Cục Kiểm tra VBQPPL – Bộ Tư pháp;

- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;

- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;

- CT, PCT UBND tỉnh;

- UBNDTTQ tỉnh Bắc Kạn;

- LĐVP;

- UBND các xã, phường, thị trấn;

- Trung tâm công báo – Tin học tỉnh;

- Lưu: VT, HàNLN, Minh

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
Q. CHỦ TỊCH**

Đỗ Thị Minh Hoa